

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **111/2018/DS-PT**

Ngày: 17-8-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huòn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2018, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2018/TLPT-DS ngày 27/6/2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2018/QĐXXPT-DS ngày 03/8/2018, giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H - Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã EL, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T - Có mặt

Địa chỉ: Thôn Z, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Văn Nhật S - Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã EL, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Văn Nhật S: Bà Nguyễn Thị Thu H (theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017).

- Ông Bùi Đình Ch - Có mặt

Địa chỉ: Thôn Z, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh Thủy và ông Bùi Đình Chiến.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/11/2017 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Do quen biết với bà Nguyễn Thanh T, trong năm 2016, bà đã cho bà T vay tiền nhiều lần, với tổng số tiền 200.000.000 đồng; cụ thể như sau: Ngày 03/6/2016, bà T vay bà 60.000.000 đồng; ngày 08/6/2016, bà T vay bà 20.000.000 đồng; ngày 26/7/2016, bà T vay bà 50.000.000 đồng; ngày 04/9/2016, bà T vay bà 40.000.000 đồng; ngày 23/9/2016, bà T vay bà 30.000.000 đồng. Lãi suất vay tiền theo lãi suất cho vay của Ngân hàng; Mỗi lần vay tiền, bà T đều viết giấy vay tiền và ký tên. Thời hạn trả nợ, hai bên thỏa thuận bà sẽ báo cho bà T biết trước khoảng 10 đến 15 ngày; mỗi lần cho bà T vay tiền, bà đều điện thoại cho ông Bùi Đình Ch là chồng bà T biết và ông Ch đồng ý bà T vay bà số tiền nêu trên.

Kể từ ngày vay tiền đến nay, bà T chưa trả cho bà tiền nợ gốc và tiền lãi. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thanh T phải trả cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày: Trong năm 2016, bà có vay tiền bà H năm lần, với tổng số tiền 200.000.000 đồng, đúng như bà H đã trình bày. Về lãi suất vay tiền, hai bên thỏa thuận: Đối với số tiền vay vào ngày 03/6/2016 và ngày 08/6/2016, theo lãi suất cho vay của Ngân hàng; đối với số tiền vay còn lại, lãi suất là 2.000 đồng– 3.000 đồng/triệu đồng/ngày; về thời trả nợ tiền vay, đúng như bà H đã trình bày. Trong thời gian vay tiền của bà H, bà có chơi huê với bà H và bà đã trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 28.600.000 đồng tiền lãi; việc bà chơi huê với bà H để trừ nợ tiền vay bà H, có bà Nguyễn Thị Th biết; 200.000.000 đồng bà vay của bà H, bà sử dụng vào việc cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Văn Nhật S trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Thu H; số tiền bà H cho bà T vay là tài sản chung của vợ chồng ông, bà; việc bà H cho bà T vay tiền ông có biết; ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ ông và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà T phải trả cho vợ chồng ông 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đình C trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thanh T; việc bà T vay tiền của bà H, ông không biết; ông không đồng ý cùng với bà T trả cho H 200.000.000đ mà bà T đã vay bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà không có quan hệ thân thích với bà Nguyễn Thị Thu H cũng như bà Nguyễn Thanh T; việc bà T vay tiền bà H, bà không biết; bà cũng không biết việc bà T chơi huê với bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DS-ST ngày 08/5/2018 của TAND huyện Ea Súp đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39,

Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS năm 2005; Điều 147 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Đình C, phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Văn Nhật S số tiền 232.792.500 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.792.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định lãi suất chậm thi hành án, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 15/5/2018, bị đơn là bà Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo với lý do: Trong thời gian bà vay tiền bà Nguyễn Thị Thu H 200.000.000 đồng, bà có chơi huê với bà H và bà đã trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền vay. Tòa án cấp sơ thẩm, buộc vợ chồng bà phải trả cho vợ chồng bà H 200.000.000 đồng tiền nợ đã vay là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Ngày 15/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đình Ch có đơn kháng cáo với lý do: Việc vợ ông là bà Nguyễn Thanh T vay tiền bà Nguyễn Thị Thu H ông không biết. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải liên đới cùng với bà T phải trả cho bà H 200.000.000 đồng cùng với tiền lãi suất là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện được thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thanh T cho rằng đã trả cho bà Nguyễn Thị Thu H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc đã vay và 28.600.000 đồng tiền lãi, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đình Ch kháng cáo cho rằng ông không biết việc vợ ông là bà T vay tiền của bà H, nên ông không có trách nhiệm liên đới cùng với bà T, trả nợ cho bà H số tiền bà T đã vay, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm bà T thừa nhận đã sử dụng số tiền đã vay của bà H vào mục đích kinh doanh, chi tiêu trong gia đình, cho người khác vay lại. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ch liên đới cùng với bà T, trả cho vợ chồng bà H số tiền bà T đã vay và tiền lãi suất là có căn cứ, được quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chiên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H không rút đơn khởi kiện; bị đơn là bà Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đình Ch không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Đình C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì trong thời gian từ ngày 03/6/2016 đến ngày 23/9/2016, bà Nguyễn Thanh T đã vay tiền bà Nguyễn Thị Thu H năm lần, tổng cộng là 200.000.000 đồng; mỗi lần vay tiền, bà T đều viết giấy vay và ký tên; lãi suất ghi trong hợp đồng là do hai bên thảo thuận nhưng không ghi rõ cụ thể lãi xuất; thời hạn vay không kỳ hạn. Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bà T thừa nhận đã vay bà H số tiền 200.000.000 đồng.

Bà T kháng cáo cho rằng: Trong thời gian vay tiền bà H, bà chơi huê với bà H và đã trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 28.600.000 đồng tiền lãi nhưng bà H không thừa nhận; bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho bà H số tiền nêu trên; bà H thừa nhận là chủ huê và có chơi huê với bà T, ngày 15/8/2016 (âm lịch) tức là ngày 15/9/2016, bà đã giao tiền huê cho bà T 81.700.000đ (BL: 18). Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về việc đã trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 28.600.000 đồng tiền lãi.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Đình Ch cho rằng ông không biết vợ ông là bà Nguyễn Thanh T vay tiền của bà H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bà T thừa nhận đã sử dụng 200.000.000 đồng đã vay bà H cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn, lấy tiền lãi phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thừa nhận đã sử dụng số tiền vay bà H vào kinh doanh, cho người khác vay lại và chi tiêu trong gia đình (BL: 64). Như vậy, bà T vay tiền của bà H là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc ông Ch và bà T phải liên đới trả bà H 200.000.000 đồng đã vay cùng với tiền lãi suất là có căn cứ, đúng pháp luật, được quy định tại khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và ông Ch, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng của ông Ch và bà T không được chấp nhận, ông Ch và bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thanh T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Đình Ch; giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS năm 2005; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thanh T, ông Bùi Đình Ch phải liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.792.500 đồng. Tổng cộng là 232.792.500 đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Đình C, mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người đã nộp, theo các biên lai số: 0006394, số 0006395 ngày 16/5/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- TAND huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Huòn